

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 913/QĐ-GDĐT

Cần Giờ, ngày 15 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về thành lập Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;

Căn cứ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ;

Căn cứ Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước các đơn vị hành chính - sự nghiệp huyện năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về điều chỉnh, giao bổ sung kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên năm 2024 của các đơn vị dự toán thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ và Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Thông báo số 4006/TB-TCKH ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện về thẩm tra điều chỉnh, giao bổ sung kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao điều chỉnh và bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giảm 5% thực hiện Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ (kinh phí thực hiện chế độ tự chủ mã nguồn 13): -181.850.000 đồng.

- Tăng kinh phí giữ lại (mã nguồn 28) thực hiện theo Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ: 181.850.000 đồng.

- Kinh phí Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ - mã nguồn 14): 4.772.000.000 đồng.

Tổng cộng: 4.772.000.000 đồng (Bốn tỷ bảy trăm bảy mươi hai triệu đồng)

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

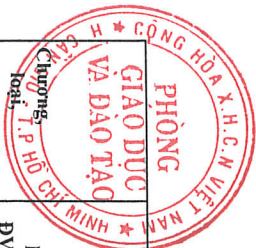
- Phòng Tài chính - Kế hoạch Cần Giờ;
- Kho bạc nhà nước Cần Giờ;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, AT.

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Diễm Phượng

BẢNG BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số 913/QĐ-GDDĐT ngày 15/11/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)



PHẦN CHI DO NSNN CẤP										GHI CHÚ
Mã BVSDNS	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ				
			Cộng	Mã nguồn 13- điều chỉnh giảm 5% thực hiện Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ	Mã nguồn 28 - kinh phí giữ lại - thực hiện Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ	Cộng	Mã nguồn 14 - Quỹ tiền thường theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ			
622.070.071	Trường Mầm non Thanh An	63.000.000	0	(6.000.000)	6.000.000	63.000.000	63.000.000			
622.070.071	Trường Mầm non Càn thanh	175.000.000	0	(3.550.000)	3.550.000	175.000.000	175.000.000			
622.070.071	Trường Mầm non Càn Thanh 2	84.000.000	0	(1.750.000)	1.750.000	84.000.000	84.000.000			
622.070.071	Trường Mầm non Long Hòa	94.000.000	0	(400.000)	400.000	94.000.000	94.000.000			
622.070.071	Trường Mầm non Đồng Tranh	60.000.000	0	(9.250.000)	9.250.000	60.000.000	60.000.000			
622.070.071	Trường Mầm non Dơi Lầu	90.000.000	0	(6.400.000)	6.400.000	90.000.000	90.000.000			
622.070.071	Trường Mầm non Lý Nhơn	72.000.000	0	(7.050.000)	7.050.000	72.000.000	72.000.000			
622.070.071	Trường Mầm non An Thới Đông	115.000.000	0	(7.500.000)	7.500.000	115.000.000	115.000.000			
622.070.071	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	85.000.000	0	(1.700.000)	1.700.000	85.000.000	85.000.000			
622.070.071	Trường Mầm non Bình Khánh	254.000.000	0	(6.450.000)	6.450.000	254.000.000	254.000.000			
622.070.071	Trường Mầm non Bình An	101.000.000	0	(3.750.000)	3.750.000	101.000.000	101.000.000			
	Cộng 071	1.193.000.000	0	(53.800.000)	53.800.000	1.193.000.000	1.193.000.000			
622.070.072	Trường Tiểu học Thanh An	87.000.000	0	(10.050.000)	10.050.000	87.000.000	87.000.000			
622.070.072	Trường Tiểu học Càn Thanh	141.000.000	0	(9.150.000)	9.150.000	141.000.000	141.000.000			
622.070.072	Trường Tiểu học Càn Thanh 2	148.000.000		(8.650.000)	8.650.000	148.000.000	148.000.000			
622.070.072	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	82.000.000	0	(5.200.000)	5.200.000	82.000.000	82.000.000			
622.070.072	Trường Tiểu học Long Thanh	117.000.000	0	(6.900.000)	6.900.000	117.000.000	117.000.000			
622.070.072	Trường Tiểu học Đồng Hòa	106.000.000	0	(9.000.000)	9.000.000	106.000.000	106.000.000			
622.070.072	Trường Tiểu học Dơi Lầu	86.000.000	0	(4.500.000)	4.500.000	86.000.000	86.000.000			
622.070.072	Trường Tiểu học Vàm Sát	79.000.000	0	(4.000.000)	4.000.000	79.000.000	79.000.000			
622.070.072	Trường Tiểu học Lý Nhơn	113.000.000	0	(3.400.000)	3.400.000	113.000.000	113.000.000			

Chương, loại, khoản.	Mã ĐVSDNS	NỘI DUNG	PHẦN CHI DO NSNN CẤP					GHI CHÚ	
			Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ		
				Cộng	Mã nguồn 13- điều chỉnh giảm 5% thực hiện Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ	Mã nguồn 28 - kinh phí giữ lại - thực hiện Nghị quyết 119/NQ- CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ	Cộng		Mã nguồn 14 - Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ
622.070.072	1035564	Trường Tiểu học An Thới Đông	183.000.000	0	(7.100.000)	7.100.000	183.000.000		
622.070.072	1035435	Trường Tiểu học An Nghĩa	95.000.000	0	(7.050.000)	7.050.000	95.000.000		
622.070.072	1035492	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	142.000.000	0	(6.250.000)	6.250.000	142.000.000		
622.070.072	1035484	Trường Tiểu học Bình Thạnh	73.000.000	0	(4.400.000)	4.400.000	73.000.000		
622.070.072	1035434	Trường Tiểu học Bình Phước	157.000.000	0	(9.400.000)	9.400.000	157.000.000		
622.070.072	1035519	Trường Tiểu học Bình Khánh	253.000.000	0	(11.300.000)	11.300.000	253.000.000		
622.070.072	1035439	Trường Tiểu học Bình Mỹ	104.000.000	0	(2.100.000)	2.100.000	104.000.000		
622.070.072	1086748	Trường Chuyên biệt Cần thanh	80.000.000	0	(6.900.000)	6.900.000	80.000.000		
		Cộng 072	2.046.000.000	0	(115.350.000)	115.350.000	2.046.000.000		
622.070.073	1035431	Trường THCS Cần Thạnh	231.000.000	0	(1.250.000)	1.250.000	231.000.000		
622.070.073	1035518	Trường THCS Long Hòa	206.000.000	0	(500.000)	500.000	206.000.000		
622.070.073	1030029	Trường THCS Dơi Lầu	125.000.000	0	(1.800.000)	1.800.000	125.000.000		
622.070.073	1035493	Trường THCS Lý Nhơn	119.000.000	0	(400.000)	400.000	119.000.000		
622.070.073	1035516	Trường THCS An Thới Đông	241.000.000	0	(1.350.000)	1.350.000	241.000.000		
622.070.073	1035495	Trường THCS Tam Thôn Hiệp	191.000.000	0	(650.000)	650.000	191.000.000		
622.070.073	1035430	Trường THCS Bình Khánh	420.000.000	0	(6.750.000)	6.750.000	420.000.000		
		Cộng 073	1.533.000.000	0	(12.700.000)	12.700.000	1.533.000.000		
		Tổng cộng	4.772.000.000	0	(181.850.000)	181.850.000	4.772.000.000		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON THẠNH AN
Mã số ĐVSDNS: 1035487

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn	NỘI DUNG	Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	63.000.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(6.000.000)	
	28	+ Kinh phí giữ lại	6.000.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	63.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	63.000.000	





PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON CẦN THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035515

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn	NỘI DUNG	Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	175.000.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(3.550.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	3.550.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	175.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		0
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	175.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON CẦN THẠNH 2
Mã số ĐVSDNS: 1035513

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	84.000.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(1.750.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.750.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	84.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	84.000.000	





PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON LONG HÒA
Mã số ĐVSDNS: 1035437

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	94.000.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(400.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	400.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	94.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	94.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG MÀM NON ĐỒNG TRANH
Mã số ĐVSDNS: 1124815

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	60.000.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(9.250.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	9.250.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	60.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	60.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON ĐOI LẦU
Mã số ĐVSDNS: 1110159

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	90.000.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(6.400.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	6.400.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	90.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	90.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON LÝ NHƠN
Mã số ĐVSDNS: 1035489

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	72.000.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(7.050.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	7.050.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	72.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	72.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON AN THỚI ĐÔNG
Mã số ĐVSDNS: 1036948

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	115.000.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(7.500.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	7.500.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	115.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	115.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON TAM THÔN HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035490

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	85.000.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(1.700.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.700.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	85.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	85.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÌNH KHÁNH
Mã số ĐVSDNS: 1035510

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	254.000.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(6.450.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	6.450.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	254.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	254.000.000	

PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÌNH AN

Mã số ĐVSDNS: 1110357

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	101.000.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(3.750.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	3.750.000	
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	101.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	101.000.000	

PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠNH AN
Mã số ĐVSDNS: 1036947

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	87.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(10.050.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	10.050.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	87.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	87.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦN THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035517

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	141.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(9.150.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	9.150.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	141.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	141.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦN THẠNH 2
Mã số ĐVSDNS: 1127076

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	148.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(8.650.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	8.650.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	148.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	148.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035485

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	82.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(5.200.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	5.200.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	82.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	82.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035486

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	117.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(6.900.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	6.900.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	117.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	117.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỒNG HÒA
Mã số ĐVSDNS: 1035438

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	106.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(9.000.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	9.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	106.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	106.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOI LẦU
Mã số ĐVSDNS: 1035429

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	86.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(4.500.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	4.500.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	86.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		0
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	86.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀM SÁT
Mã số ĐVSDNS: 1035436

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	79.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(4.000.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	4.000.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	79.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	79.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ NHƠN
Mã số ĐVSDNS: 1035491

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	113.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(3.400.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	3.400.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	113.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	113.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THỚI ĐÔNG
Mã số ĐVSDNS: 1035564

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	183.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(7.100.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	7.100.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	183.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	183.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC AN NGHĨA
Mã số ĐVSDNS: 1035435

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	95.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(7.050.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	7.050.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	95.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	95.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC TAM THÔN HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035492

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	142.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(6.250.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	6.250.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	142.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	142.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035484

(Kèm theo Quyết định số 933/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	73.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(4.400.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	4.400.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	73.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	73.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH PHƯỚC

Mã số ĐVSDNS: 1035434

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	157.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(9.400.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	9.400.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	157.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	157.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH KHÁNH
Mã số ĐVSDNS: 1035519

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	253.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(11.300.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	11.300.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	253.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	253.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH MỸ
Mã số ĐVSDNS: 1035439

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	104.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(2.100.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	2.100.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	104.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	104.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT CẦN THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1086748

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	80.000.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(6.900.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	6.900.000	
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	80.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	80.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG THCS CẦN THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035431

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	231.000.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(1.250.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.250.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	231.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	231.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG THCS LONG HÒA
Mã số ĐVSDNS: 1035518

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	206.000.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(500.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	500.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	206.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	206.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG THCS DOI LẦU
Mã số ĐVSDNS: 1030029

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	250.000.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(1.800.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.800.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	250.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	125.000.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	125.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: TRƯỜNG THCS LÝ NHƠN

Mã số ĐVSDNS: 1035493

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	119.000.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(400.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	400.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	119.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	119.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG THCS AN THỚI ĐÔNG
Mã số ĐVSDNS: 1035516

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	241.000.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(1.350.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.350.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	241.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	241.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG THCS TAM THÔN HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035495

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	191.000.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(650.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	650.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	191.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	191.000.000	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: TRƯỜNG THCS BÌNH KHÁNH
Mã số ĐVSDNS: 1035430

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	420.000.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	(6.750.000)	
	28	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	6.750.000	
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	420.000.000	
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	420.000.000	

